

Số: 36/2025/QĐST - HNGĐ

Tam Đường, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Cao Thị Hoá

Thư ký phiên họp: Ông Sùng A Thắng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024. Về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST_HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lò Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.
(Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lò Thị T, sinh ngày 06/01/1998. Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. Anh Lò Văn X, sinh ngày 19/4/1994. Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vàng Văn K – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Lò Thị N trình bày:

Bà Lò Thị N có con gái là Lò Thị T, sinh ngày 06/01/1998 và con rể là Lò Văn X, sinh ngày 19/4/1994. Ngày 08/02/2013 chị Lò Thị T và anh Lò Văn X, hiện đang cư trú tại bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Thời điểm đăng ký kết hôn, chị Lò Thị T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Lò Thị T sinh ngày 01/01/1994 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh Lò Văn X sinh ngày 19/4/1994 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn của chị T và anh X là vi phạm quy định nên bà Lò Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Đường hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn X.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T và anh Lò Văn X đều trình bày: Chị T và anh X đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị Lò Thị T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Lò Thị T sinh ngày 01/01/1994 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn, đồng thời anh Lò Văn X sinh ngày 19/4/1994 cũng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng Ủy ban nhân dân xã N đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi là Lò Thị T, sinh ngày 01/01/1994 và Lò Văn X sinh ngày 19/4/1994. Tuy nhiên, theo giấy khai sinh, căn cước công dân, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung cấp nghề thì chị Lò Thị T sinh ngày 06/01/1998 không khớp với giấy chứng nhận kết hôn ghi Lò Thị T sinh ngày 01/01/1994. Thực tế chị Lò Thị T sinh ngày 06/01/1998. **Đối với anh Lò Văn X sinh ngày 19/4/1994 tại thời điểm đăng ký kết hôn cũng chưa đủ tuổi kết hôn.** Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh X chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 bắt đầu mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T và anh X đồng ý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lò Thị N.

Về nuôi con: Chị T, anh X có 02 con chung là Lò Văn Bảo A, sinh ngày 04/3/2013 và Lò Thúy B, sinh ngày 25/7/2018. Chị T và anh X tự nguyện thỏa thuận: Anh Lò Văn X được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cháu Lò Văn Bảo A cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Lò Thị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thúy B đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị T, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự đại diện Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn X đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 02 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm kết hôn chị Lò Thị T có làm bản tự khai đăng ký kết hôn khai Lò Thị T sinh ngày 01/01/1994 để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị T và anh X. Nên UBND xã N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Lò Thị T, sinh ngày 01/01/1994 và Lò Văn X, sinh ngày 19/4/1994, vào sổ số 04/2013, quyển số 01/2013 ngày 08 tháng 02 năm 2013. Theo tài liệu bà N gửi cho Tòa án trong **giấy khai sinh, căn cước công dân, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung cấp nghề** và giấy chứng nhận kết hôn thì Lò Thị T sinh ngày 01/01/1994 và Lò Thị T sinh ngày 06/01/1998 là một người và có ngày sinh đúng là 06/01/1998. Đối với anh Lò Văn X sinh ngày 19/4/1994 tại thời điểm đăng ký kết hôn cũng chưa đủ tuổi kết hôn. Do vậy việc đăng ký kết hôn của chị Lò Thị T và anh Lò Văn X trước kia không đúng theo quy định nên UBND xã N nhất trí với đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn X.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, xác định: Chị Lò Thị T trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện chị T sinh ngày 01/01/1994, trong giấy khai sinh, căn cước công dân, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung cấp nghề của chị T thể hiện chị T sinh ngày 06/01/1998, thực tế chị T sinh ngày 06/01/1998. Đối với anh Lò Văn X sinh ngày 19/4/1994 tại thời điểm đăng ký kết hôn cũng chưa đủ tuổi kết hôn.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lò Văn Bảo A thể hiện: Cháu A là con chung của anh Lò Văn X và chị Lò Thị T, cháu không có tài sản riêng. Cháu có nguyện vọng được ở với anh X.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề

ng nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lò Thị N. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn X theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 01/2013 ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Lò Văn X và chị Lò Thị T về nuôi con chung. Đề nghị áp dụng Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lò Thị N được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tại phiên họp, Tòa án nhân huyện T nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 03/02/2025 Toà án tiến hành mở phiên họp để giải quyết Việc Hôn nhân gia đình, nhưng đến 14 giờ 45 phút ngày 03/02/2025 (quá thời điểm mở phiên họp ghi trong Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự) người yêu cầu là bà Lò Thị N vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng mặt, nên Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp căn cứ vào khoản 2 Điều 267/Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên họp sơ và ấn định thời gian mở phiên họp vào 08 giờ 00 phút ngày 14/02/2025.

Trước khi mở phiên họp lần thứ hai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Lò Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T, anh Lò Văn X có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Do đó, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn X đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T,

tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Lò Thị T, sinh ngày 06/01/1998 chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định (Chị T mới được 15 tuổi 01 tháng 02 ngày). Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Lò Văn X sinh ngày 19/4/1994 chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định (Anh X mới được 18 tuổi 09 tháng 20 ngày). Như vậy việc đăng ký kết hôn của chị Lò Thị T và anh Lò Văn X tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại, anh X, chị T đã đủ tuổi kết hôn, quá trình chung sống anh X, chị T có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau, đồng thời anh X, chị T đều thống nhất yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Lò Thị N về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn X theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 01/2013 ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn X vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Lò Thị T và anh Lò Văn X phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T, anh X có 02 con chung là Lò Văn Bảo A, sinh ngày 04/3/2013 và Lò Thúy B, sinh ngày 25/7/2018. Quá trình giải quyết việc dân sự: Lò Văn Bảo A có nguyện vọng muốn được ở với anh Lò Văn X. Chị T và anh X tự nguyện thỏa thuận: Anh Lò Văn X được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn Bảo A cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Lò Thị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thúy B đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy thỏa thuận giữa chị T và anh X về nuôi con chung là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị T, anh X về nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị T, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn X theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Lò Thị N là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn đề nghị được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự nên bà Lò Thị N được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lò Thị N. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn X theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 01/2013 ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Chị Lò Thị T và anh Lò Văn X phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Lò Văn X được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cháu Lò Văn Bảo A, sinh ngày 04/3/2013 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Lò Thị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thúy B, sinh ngày 25/7/2018 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Kiến nghị UBND xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật của chị Lò Thị T và anh Lò Văn X theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lò Thị N được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10

ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- CCTHADS huyện Tam Đường;
- UBND xã Nà Tăm;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Cao Thị Hoá